

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VỚI VIỆC BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC THÁI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM

LÊ THỊ THU THANH *

Tóm tắt: Ở Việt Nam, du lịch cộng đồng là một hiện tượng văn hóa mới du nhập vào đời sống văn hóa của các tộc người, có tác động hai mặt tới đời sống của cộng đồng dân tộc. Vì vậy, vấn đề đang đặt ra là cần có những giải pháp mang tính bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại để vừa phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo tồn, phát huy và làm giàu các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Bài viết phân tích hình thức du lịch cộng đồng của người Thái ở khu vực Tây Bắc trong mối quan hệ với bảo tồn văn hóa truyền thống; trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát huy và làm giàu các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Thái ở Tây Bắc.

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, cộng đồng dân tộc Thái.

1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển du lịch cộng đồng

Du lịch cộng đồng được hình thành vào thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ trước tại các nước trong khu vực Châu Phi, Châu Úc, Châu Mỹ Latinh. Hình thức du lịch này được khởi phát thông qua các tổ chức phi chính phủ, Hội Bảo tồn thiên nhiên thế giới. Hiện nay, du lịch cộng đồng ngày càng lan rộng và có sức hấp dẫn ở các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực Châu Á như Indônêxia, Philipin, Thái Lan, Ấn Độ, Nepal, Đài Loan... Đó là những nơi có nền văn hóa độc đáo, đa dạng và vẫn giữ nguyên bản sắc văn hóa bản địa.

Mục tiêu chính của các tổ chức phi

chính phủ, Hội Bảo tồn thiên nhiên thế giới khi đề xuất mô hình du lịch cộng đồng là góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, bao gồm cả bảo vệ sự đa dạng về sinh học, tài nguyên nước, rừng, bản sắc văn hóa, đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tăng doanh thu về du lịch và những lợi ích khác cho cộng đồng địa phương. Nguyên tắc để du lịch cộng đồng phát triển mà không đi chệch mục tiêu ban đầu là: cộng đồng được quyền tham gia thảo luận các kế hoạch, quy hoạch, thực hiện và quản lý đầu tư phát triển du lịch.

(*) Thạc sĩ, Ủy ban Dân tộc.

Du lịch cộng đồng được hình thành xuất phát từ nhu cầu của du khách muốn đến khám phá những vùng đất xa xôi, dân cư thưa thớt. Nhưng ở đó giao thông đi lại khó khăn, các dịch vụ phục vụ ăn nghỉ cho du khách còn hạn chế... Do đó, họ cần sự giúp đỡ về thức ăn, nơi ngủ, đi lại. Du khách thường gọi những chuyến đi như vậy là *du lịch có sự hỗ trợ của người bản xứ*. Đây là tiền đề cho sự phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng. Hiện nay, du lịch cộng đồng đã được phát triển ở khắp các châu lục và trở thành loại hình du lịch hấp dẫn trong ngành công nghiệp du lịch. Loại hình du lịch này ngày càng nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ trong việc bảo tồn, phát triển văn hóa bản địa; tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người dân bản địa... Do đó, các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị và sinh thái trong phạm vi cộng đồng trở thành những tác nhân tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách và thu hút được nhiều khách du lịch tới tham quan. Người dân bản xứ cũng có thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ và phục vụ khách tham quan. Vì thế cho nên loại hình du lịch cộng đồng ngày càng được phổ biến và có ý nghĩa không chỉ đối với khách du lịch, chính quyền sở tại, mà còn với cả cộng đồng. Có thể nói, du lịch cộng đồng chính là một hình thức bảo tồn văn hóa truyền thống bản địa một cách bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại toàn cầu hóa.

Ở Việt Nam, du lịch cộng đồng được manh nha vào cuối những năm 80 của thế kỷ trước với những du khách đầu tiên đến từ khỏi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ. Vào đầu những năm 90, với chính sách “mở cửa” của Đảng và Nhà nước, thị trường du lịch được mở cửa để đón khách du lịch từ phương Tây và dần dần là khách nội địa. Bản Lác ở Mai Châu (Hòa Bình) là nơi đầu tiên ở khu vực miền Bắc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. Tương tự, ở miền Nam, đảo Thoi Sơn ở Tiền Giang; tiếp đến là Vĩnh Long. Cuối những năm 90, theo hướng khám phá của khách du lịch quốc tế đến từ Tây Âu và Bắc Mỹ, du lịch cộng đồng tiếp tục được mở rộng ở Sa Pa (Lào Cai), Hội An, Huế và vùng đồng bằng sông Cửu Long như Long Xuyên, Châu Đốc, An Giang... Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên thiên nhiên (núi, rừng, biển, sông nước), hệ thực vật, động vật phong phú là điều kiện thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch cộng đồng sinh thái. Mặt khác, Việt Nam cũng là nơi hội tụ những giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo của 54 dân tộc cùng sinh sống, nên càng có điều kiện phát triển du lịch cộng đồng hướng đến mục tiêu bảo tồn bản sắc văn hóa bản địa, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. Đặc điểm văn hóa dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam

Trong tiến trình lịch sử của mình,

cộng đồng dân tộc Thái đã sáng tạo và xây dựng được một bản sắc văn hóa độc đáo, thể hiện được trình độ tư duy và nghệ thuật sáng tạo của dân tộc mình, đóng góp không nhỏ vào kho tàng văn hóa chung của các dân tộc Việt Nam. Giá trị văn hóa của dân tộc Thái được biểu hiện trong sinh hoạt hàng ngày với nhiều giá trị vật chất và tinh thần.

Một trong ba dấu hiệu đầu tiên để nhận biết một dân tộc chính là kiến trúc nhà ở. Theo truyền thống, người Thái ở nhà sàn, như họ đã xác định trong thành ngữ: “Nhà có gác sàn có cột” (*hươn mi hạm quản mi xau*). Ở Tây Bắc nói chung, nhà sàn của người Thái là một thành tố văn hóa tiêu biểu. Chính những ngôi nhà sàn Thái đã góp phần làm nên không gian văn hóa Tây Bắc, để lại ấn tượng mạnh mẽ với du khách ngay từ lần trải nghiệm đầu tiên. Nếp nhà được cấu trúc bởi các loại cây thân gỗ và có gióng (như tre, vầu, nứa...) và lợp bằng cỏ tranh. Thay vì dùng đinh để làm chắc kết cấu, nhà sàn của người Thái dùng hệ thống dây chằng, buộc, thắt khá công phu và tinh xảo bằng lát tre, giang và mây hoặc những vỏ cây chuyên dùng gọi là *hu*, *xa*, *năng xiểu*. Nhà sàn của người Thái đen có hình mai rùa, mái cong khum ở hai trái, có *Khau Cút* gắn ở nóc hai đầu hồi. Nhà của người Thái trắng có mái phẳng, có góc giao tuyến rõ rệt, có các lan can chạy trước hoặc xung quanh nhà và ngược với nhà của người Thái đen là không có *Khau Cút* ở

trên hai đầu hồi nóc nhà.

Sau kiến trúc nhà ở, trang phục cũng là một yếu tố làm nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Có thể nói rằng, người Thái ở các địa phương đều có cách ăn mặc và đường nét, tạo dáng khá giống nhau. Vì vậy, chỉ nhìn vào trang phục, đặc biệt là trang phục nữ, người ta có thể phân biệt được ngay họ là người Thái. Trang phục nữ của người Thái vừa đẹp, vừa gọn và đặc biệt làm nổi bật những đường nét trên cơ thể. Nữ giới khi đã trưởng thành thì mặc váy khâu liền (váy ống) - xin, không có màu nào khác ngoài đen. Trong các vẻ đẹp của hình thể, người Thái rất chú ý tới vẻ đẹp của đôi chân. Vì vậy, trong trang phục họ tìm cách tôn trọng sự hồng hào của đôi chân bằng lớp vải đỏ phía trong gấu váy. Đầu váy có cạp, khâu bằng dải vải màu đỏ, trắng, xanh (hoặc các màu không phải là màu đen để khi mặc dễ nhìn thấy phần bắt buộc phải dùng dải thắt lưng phủ ở bên ngoài). Dải cạp dùng để gập mép sao cho váy bó sát thân eo, làm đường thắt lưng nổi cộm lộ rõ đường nét đáy lưng ong.

Trang phục nữ Thái đen còn có khăn piêu. Piêu có nhiều loại khác nhau, có loại được thêu hoa văn bằng chỉ màu sắc sỡ, có loại chỉ là một tấm vải bông nhuộm chàm, tùy từng vùng, từng địa phương mà piêu có những sắc thái riêng của nó. Piêu là vật trang sức quan trọng của các cô gái Thái trong sinh hoạt hằng ngày, nhất là trong lúc đi chơi hay dự lễ hội... Khăn piêu của phụ nữ Thái không

chỉ mang giá trị thẩm mỹ, mà còn mang tính xã hội, cùng với váy, áo, nón đội, thắt lưng, piêu góp phần tạo nên một nét đẹp, một sắc thái riêng, hấp dẫn về trang phục truyền thống của dân tộc Thái.

Người Thái rất nổi tiếng về nghệ thuật thêu, dệt vải. Các sản phẩm của họ trước hết thỏa mãn nhu cầu của nội tộc. Ngoài ra, sản phẩm thêu dệt còn là biểu tượng của sự giàu có. Hầu hết các cô gái Thái đều khéo léo, biết thêu dệt không chỉ váy áo cho mình, mà còn cho chồng con, anh em và có cả sản phẩm làm hàng hóa trao đổi. Có thể nói, trang phục cũng như đồ trang sức của phụ nữ Thái độc đáo, tinh tế, nên ngày nay nó không chỉ phổ biến trong cộng đồng Thái, mà còn được khách du lịch ưa chuộng mua làm đồ kỷ niệm hay làm quà.

Ẩm thực cũng là một nét văn hóa không thể không nói đến của dân tộc Thái với hương vị mới lạ, đậm đà, hấp dẫn. Khác với các món ăn thường thấy ở các khách sạn, nhà hàng, các món ăn của dân tộc Thái hầu hết được làm từ các nguyên liệu có ở rừng, ao vườn, ruộng đồng, sông suối. Trước năm 1954, người Thái và nhiều cư dân các vùng thung lũng hẹp miền Bắc nước ta đều dùng thóc nếp làm khẩu phần lương thực chính. Thóc nếp được gieo trồng đại trà và tính toán sao cho đủ dùng quanh năm với một phần nhất định dôi ra để đề phòng những chuyện bất trắc. Mặc dù hiện nay người Thái đã có thói quen ăn gạo tẻ, nhưng họ vẫn coi gạo

nếp là thứ lương thực lý tưởng và xem như là một đặc trưng văn hóa tộc người. Khẩu phần lương thực là nếp, nên cách chế biến món ăn lương thực cũng chủ yếu là gắn liền với gạo nếp như xôi, cơm lam...

Với đặc trưng của một nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc điển hình “cơm cày ruộng, cá kiếm ăn”, thực phẩm dùng trong bữa ăn của người Thái giống với nhiều tộc người ở Đông Nam Á. Người Thái nói chung và người Thái ở Tây Bắc nói riêng có thói quen ăn các loài động vật thủy sản, họ coi cá ngang với tầm lúa gạo. Tục ngữ có câu: “Lúa ở ruộng, cá ở nước” (*khẩu dụ na, pa dụ nặm*) hay “miếng cơm trắng, con cá bạc” (*khẩu đôn, tón pa khao*). Cá được chế biến thành nhiều món ăn khác nhau. Trước hết là món cá sống, ăn gỏi (tiếng Thái gọi là *cỏi*). Món này chỉ phổ biến đối với đàn ông. Ăn gỏi trở thành thú ăn của đàn ông và người ta sánh gỏi cá ngang với thịt chó. Thêm thịt thì ăn thịt chó, thêm cá thì ăn cá gỏi (“*Xếp nhứa kin nhứa ma, xếp pa kin pa cỏi*”).

Người Thái là một dân tộc yêu ca hát với nhiều điệu múa xòe. Múa sạp Thái đã được trình diễn trên sân khấu trong và ngoài nước. Ngoài ra nhạc cụ của dân tộc Thái có các loại sáo (*pi*), nhị (*xi xo*), đàn môi (*hưn mư*), đặc biệt là khèn bè (*khen be*), ống tiêu, nhạc khuá loong.

Một trong những sinh hoạt văn hóa của dân tộc Thái là xòe vòng. Đây là điệu múa xòe tập thể của dân tộc Thái có từ

thời tiền sử. Đến nay vẫn không thể thiếu trong các cuộc vui chơi, hội hè. Mỗi khi âm thanh trầm bổng, nhịp điệu của trống xòe nổi lên lại thôi thúc mọi người đến với vòng xòe. Trong tiếng trống, tiếng chiêng, mọi người xích lại gần nhau, quây quần bên nhau, vui tươi, đầm ấm. Theo sách chữ Thái cổ, vòng xòe tượng trưng cho gốc cây cổ thụ khổng lồ, người là rễ bám sâu vào lòng đất, chẳng sợ gì bão táp trần gian. (*Võng xê ló kốc mạy nháu ók khôn. Phú kôn ló háu hạc chấp đin, báu kua xãng phôn lỏm nãng chuồng mưông lưm*). Vòng xòe biểu thị sự đoàn kết nhất trí, không phân biệt tuổi tác, già trẻ, trai gái, dân tộc, đẳng cấp, tay nắm chặt tay ung dung bước qua khó khăn, sóng gió, bỏ mất buồn phiền của vòng đời trần gian, tiến tới tương lai.

Với bề dày về lịch sử, như văn hoá, nghệ thuật của người Thái là tiềm năng để khai thác và phát triển du lịch cộng đồng và thông qua du lịch cộng đồng để duy trì và bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người Thái.

3. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng ở các tỉnh Tây Bắc những năm qua

Du lịch cộng đồng xuất hiện ở các tỉnh Tây Bắc khoảng hơn chục năm nay. Loại hình du lịch này đã và đang đem lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế cho người dân địa phương. Ở Hòa Bình, Mai Châu là huyện đầu tiên của tỉnh khai thác hiệu quả tiềm năng về sinh thái, văn hóa để phát triển du lịch cộng đồng.

Từ những năm đầu thập kỷ 90, du khách biết đến Mai Châu với các bản làng văn hóa của dân tộc Thái như bản Lác, bản Vãn. Đến nay, ở Mai Châu có gần 10 bản được huyện đưa vào khai thác phát triển du lịch cộng đồng như bản Lác (xã Chiềng Châu), Pom Coọng (thị trấn Mai Châu), Nhót (xã Nà Phòn), Xà Lĩnh (xã Pà Cò), Bưóc (xã Xăm Khoè), Pù Bin, Cun Pheo, Piềng Vẻ... Theo thống kê của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch (VHTTDL), trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 50 bản, làng du lịch - văn hoá. Hàng năm, các địa phương tổ chức trên 30 lễ hội văn hóa đậm đà bản sắc như lễ hội Khai hạ Mường Bi (Tân Lạc), lễ hội chùa Tiên (Lạc Thủy), lễ hội chùa Hang (Yên Thủy), lễ hội đền Bờ (Cao Phong), lễ mừng cơm mới của dân tộc Mường, lễ hội chá chiêng của dân tộc Thái, Tết truyền thống của đồng bào Mông (Mai Châu)... Thực hiện bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế bảo tồn và phát huy các giá trị di tích, danh thắng; phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

Ở Sơn La, du lịch cộng đồng bắt đầu từ những năm 90 với địa danh quen thuộc: Bản Bó, Bản Tông, Bản Mòng, Bản Hụm... Tuy nhiên, ở thời kỳ này, du lịch chỉ mang tính chất tự phát. Sơn La là nơi có tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, có núi, có hang có nguồn nước nóng dồi dào cùng với những di sản di tích lịch sử. Vì vậy, đây là địa điểm mà

khách du lịch muốn khám phá tìm hiểu. Đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, các gia đình tự dùng địa điểm nhà sàn của mình để làm nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng và phục vụ những món ăn mang đậm bản sắc dân tộc. Họ phục vụ khách bằng tình cảm của mình mà không tính công, không mang tính chất kinh doanh. Trong những cuộc vui đó cả chủ và khách cùng ngồi ăn, đến tối họ cùng tay trong tay trong vòng xòe bên chum rượu cần và ánh lửa bập bùng. Chính điều này đã thu hút khách du lịch đến với Bản Bó bởi cái tự nhiên cùng đời sống chân thực, tình cảm của đồng bào. Cho đến nay, cùng nhận thức của chính quyền địa phương về lợi ích của ngành công nghiệp “không ống khói” trong phát triển kinh tế, du lịch cộng đồng ở Sơn La đã chuyển dần hình thức từ tự phát không có chủ trương quản lý của Nhà nước sang hình thức kinh doanh dịch vụ và dần có sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền địa phương.

Bản Vàng Pheo (huyện Phong Thổ, Lai Châu) được nhắc đến như “thung lũng mỹ nhân”, một trong những bản cổ xưa nhất của người Thái trắng ở Lai Châu. Mang trong mình những nét văn hóa đặc trưng, cùng với cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và thơ mộng, bản Vàng Pheo hội tụ nhiều điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng. Bất chấp dòng chảy thời gian, văn hóa của người Thái trắng ở Vàng Pheo vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn từ những ngôi nhà sàn

truyền thống đến những bộ váy của người phụ nữ Thái trắng được thiết kế cầu kỳ (váy khâu liền màu đen tuyền, dài chấm mắt cá chân, áo cóm chấm đến thắt lưng, cổ liền). Lễ hội văn hóa của người Thái ở Vàng Pheo là một trong những nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng được đông đảo người dân và du khách quan tâm. Mỗi lễ hội là một bức tranh miêu tả đời sống xã hội, mang những nét đặc trưng truyền thống của đồng bào Thái xứ Mường So, tiêu biểu như các lễ hội: Nàng Han (rằm tháng 2 âm lịch), Then Kin Pang (mùng 10 tháng 3 âm lịch), Kin Lầu Khẩu Mầu (rằm tháng 9 âm lịch)... Trong các lễ hội, ngoài các nghi thức lễ còn diễn ra nhiều trò chơi dân gian độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa trong đời sống sinh hoạt của người dân như: tó má lẹ, ném còn, đẩy gậy, tù lu... Với những tiềm năng sẵn có, Vàng Pheo hiện đang là một điểm thu hút khách du lịch.

Sở dĩ Tây Bắc cùng văn hóa Thái đang là điểm thu hút khách du lịch bởi vì ở đây du khách được hòa mình với thiên nhiên và được tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất thường ngày của bà con như: đi nương, lội suối, bắt cá, dệt vải, nấu những món ăn cổ truyền... Ngoài ra du khách còn được tham dự và hòa mình vào không khí của các lễ hội văn hóa văn nghệ với những bài hát, điệu múa đậm nét văn hoá dân tộc Thái. Theo đánh giá của các Sở VH-TT-DL ở các địa phương, mặc dù

mới được đưa vào khai thác khoảng hơn 10 năm nay, nhưng hoạt động du lịch cộng đồng đang được các tỉnh xác định là mũi nhọn trong phát triển kinh tế du lịch. Du lịch cộng đồng đem lại lợi ích thiết thực đối với người dân trong cải thiện đời sống cộng đồng. Tại đây, người dân đã tham gia vào các dịch vụ du lịch khác nhau như cho thuê nhà, làm hướng dẫn viên, bán các loại hàng hóa (khăn piêu, quần áo, đệm, ép khẩu... để làm đồ lưu niệm; hoa quả đặc sản theo mùa...) và bằng cách đó họ đã có thu lợi từ du lịch.

Du lịch phát triển thì các loại hình dịch vụ cũng được mở mang và phát triển. Dịch vụ và việc làm là kết quả dây chuyền. Sự phát triển hình thức du lịch cộng đồng ở các tỉnh Tây Bắc đã tạo ra một môi trường mới cho sự phục hồi của thực hành văn hóa truyền thống. Nguồn lợi kinh tế từ việc “bán” sản phẩm văn hóa đã trở thành chất xúc tác cho người dân tự sưu tầm và bảo tồn thực hành văn hóa truyền thống. Du lịch phát triển cũng góp phần mở mang nhiều loại tri thức cho cộng đồng địa phương. Thông qua du lịch, người dân cũng phần nào được giáo dục về kỹ năng, nghiệp vụ du lịch, các kỹ năng tổ chức biểu diễn chương trình tuy chưa có tính đồng bộ.

Hoạt động du lịch phát triển đã tạo tiền đề cho việc khôi phục các sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng vốn đã bị mai một, góp phần chuyển dịch cơ

cấu ngành nghề. Bên cạnh việc trồng trọt, chăn nuôi đã phát triển thêm nghề dệt thổ cẩm truyền thống, làm thay đổi phương thức sản xuất truyền thống từ sản xuất thuần nông sang thương mại – dịch vụ. Chính sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ đã góp phần nâng cao đời sống của người dân. Nhiều gia đình không chỉ biết sản xuất ra những sản phẩm để trao đổi, buôn bán, mà còn giúp họ có điều kiện và khả năng mua sắm các phương tiện thông tin đại chúng như đài, tivi hay điện thoại. Đồng thời thông qua đó thu hút được thế hệ trẻ tham gia làm các mặt hàng truyền thống. Đây là nhân tố quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các ngành nghề thủ công truyền thống cả dân tộc.

Du lịch phát triển phần nào đó tác động trực tiếp tới đời sống người dân. Sự xuất hiện của khách du lịch miền xuôi hay khách nước ngoài dẫn tới sự giao thoa trong văn hóa. Người dân đã tiếp thu một cách chọn lọc các thực hành văn hóa từ bên ngoài, góp phần làm cho văn hóa Thái thêm phong phú, đa dạng. Đồng thời qua dịch vụ du lịch đã giúp các dân tộc thêm sự hiểu biết lẫn nhau, ngày càng xích lại gần nhau hơn. Tuy nhiên, cũng do sự giao thoa văn hóa mà một số các hoạt động văn hóa truyền thống của dân tộc bị lấn át, mai một hay mất đi những giá trị linh thiêng vốn có của nó: nhà cửa, trang phục, lễ hội...

Làm thế nào để bảo tồn được văn hóa

dân tộc trước ảnh hưởng của phát triển du lịch là một công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi những người có trách nhiệm tổ chức, quản lý và khai thác du lịch phải có tầm nhìn xa trông rộng, hơn thế phải có “tâm” trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa cho muôn đời sau. Trên thực tế ở một số địa phương, do việc phát triển du lịch mang tính tự phát, thiếu một kế hoạch mang tính chiến lược dài hơi cùng với cơ sở hạ tầng yếu kém, công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch mang tính thời vụ, thiếu chuyên nghiệp, đội ngũ hướng dẫn viên còn thiếu và yếu, cho nên nhiều giá trị văn hóa quý báu bị sai lệch, thậm chí mất dần. Do sự phát triển của du lịch mà mức độ chênh lệch giàu nghèo, rạn nứt những mối quan hệ trong cộng đồng xuất hiện. Đồng thời, qua sự tiếp xúc với khách du lịch dưới xuôi hay khách quốc tế, một bộ phận lớp trẻ hiện nay đã không còn ý thức tới việc giữ gìn bản sắc, nét đẹp trong văn hóa của dân tộc mình mà chạy theo lối sống phương Tây. Đơn cử, ngày nay thế hệ trẻ còn rất ít người hiểu ý nghĩa nhân sinh cao đẹp của hàng cúc bạc hình bướm trên áo “côm” mà một bên là những con bướm đực, một bên là những con bướm cái. Trên vạt áo cúc bạc được khâu xếp đôi xứng từng đôi, dải thành hai hàng - vạt bên phải là những con đực “*tô po*” và bên trái là những con cái “*tô me*”. Số khuy áo của phụ nữ có chồng là những cặp bướm theo số chẵn, còn người chưa

chồng là số lẻ. Đó chính là ước nguyện của con người luôn muốn âm dương giao hòa để cuộc sống sinh sôi. Hơn nữa, hiện nay thế hệ trẻ người dân tộc hầu hết mặc áo sơ mi, quần âu hàng ngày, những bộ quần áo truyền thống thường chỉ được mặc trong các dịp lễ, tết. Đó là nguy cơ một “cái chết văn hóa” đã được báo chí nói đến trong thời gian qua. Điều đó ta có thể nhìn thấy ở bất cứ nơi nào du lịch phát triển một cách ồ ạt, thiếu tính bền vững trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố bất cập mất cân đối trong phát triển dịch vụ du lịch, chúng ta không thể không nói đến những đóng góp mang tính tích cực trong phát triển văn hóa - xã hội.

Nhu cầu thưởng thức ẩm thực, âm nhạc và trải nghiệm đời sống xã hội và văn hóa dân tộc Thái của khách du lịch đã tạo điều kiện cho sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ những giá trị văn hóa truyền thống của người Thái mà lâu nay do sự phát triển của xã hội đã dần bị mai một. Ở các địa phương, người dân đã tự nguyện sưu tầm lại những điệu xòe cổ trước đây, sưu tầm lại những món ăn mang tính độc đáo riêng của dân tộc, có ý thức trong giữ gìn trang phục truyền thống, những nghề thủ công... Và đặc biệt là, họ đã khôi phục lại nếp nhà sàn truyền thống để thu hút ngày một đông khách du lịch đến với bản.

Du lịch cũng làm cho nếp sống của cộng đồng và gia đình được phục hồi.

Nếp sống của cộng đồng là tổng thể các hoạt động sống của từng gia đình, thôn bản gắn với không gian văn hóa và hài hòa trong môi trường tự nhiên. Chính đây là cái mà du khách muốn được chứng kiến, cảm nhận. Nhờ có du lịch mà người dân đã biết thay đổi phương thức sản xuất, biết làm trang trại vườn rừng; một mặt, để nâng cao thu nhập; mặt khác, mở rộng mô hình tham quan hấp dẫn khách du lịch muốn hòa mình vào không gian thiên nhiên trong lành của bản làng.

Như vậy, bên cạnh những tác động tiêu cực mà hoạt động du lịch đem lại, chúng ta không thể phủ nhận những tác động tích cực của nó đối với việc phục hồi, duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Do nhu cầu của khách du lịch với sản phẩm văn hóa độc đáo của địa phương và thông qua việc “bán” các sản phẩm văn hóa cho khách du lịch mà những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái được chính cộng đồng giữ gìn và phát huy. Như vậy, phát triển du lịch cộng đồng là hướng đi phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thực tế ở các tỉnh miền núi Tây Bắc. Đây là một loại hình du lịch không đòi hỏi đầu tư lớn, nhưng kết quả thu được lại rất lớn và hiệu quả trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến xã hội và môi trường. Khi cộng đồng làm du lịch sẽ huy động được nguồn nội lực của nhân dân, khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất hiện có của cộng đồng

dân cư, góp phần nâng cao mức sống, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho cộng đồng. Du lịch cộng đồng là một hiện tượng văn hóa mới du nhập vào đời sống văn hóa của các tộc người, có tác động hai mặt tới đời sống của cộng đồng dân tộc. Vì vậy, chúng ta thấy rất cần có một giải pháp hợp lý làm sao để vừa phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo tồn, phát huy và làm giàu các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch cộng đồng với việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Thái ở Tây Bắc hiện nay

Để du lịch cộng đồng ở một số tỉnh Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung phát triển bền vững trên cơ sở bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống, trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn đem lại nguồn lợi kinh tế cao góp phần nâng cao đời sống của đồng bào, theo chúng tôi, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch cần xây dựng những cơ quan điều phối du lịch ở các địa phương trong tỉnh. Ban hành những văn bản hướng dẫn chi tiết quy định rõ việc quản lý hoạt động của các khu du lịch, những quy định cụ thể về việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cho phát triển du lịch.

- Tổng cục Du lịch cần phối hợp các

địa phương tổ chức những lớp đào tạo ngắn hạn để cấp thẻ hướng dẫn viên, trong đó nội dung về văn hóa du lịch cần được tăng cường với thời lượng cao hơn.

- Cần đào tạo nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số để phục vụ các sinh hoạt văn hóa các tộc người tại các điểm du lịch (dưới hình thức trình diễn các tiết mục, hoạt động thuộc các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể); hướng dẫn du khách tìm hiểu về văn hóa của tộc người mình.

- Tiến hành tuyên truyền giáo dục cho nhân dân địa phương tại điểm du lịch về giá trị văn hóa tộc người và các hình thức, nội dung tham gia vào hoạt động du lịch ở địa phương theo phương châm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa cải thiện và phát triển kinh tế cho đồng bào, vừa góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tạo điều kiện cho người dân tham gia thực hiện mô hình trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và cùng quản lý, góp phần đem lại lợi ích kinh tế cho mỗi thành viên, mỗi gia đình và cả cộng đồng dân cư. Trên cơ sở đó, người dân tổ chức sản xuất, kinh doanh theo định hướng quy hoạch, hướng dẫn chung, tạo ra nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp, nông - lâm kết hợp, phát triển kinh tế trang trại, làng nghề và cung cấp các loại hình dịch vụ như nhà trọ, nhà hàng, cửa hàng bán đồ lưu niệm phục vụ khách du lịch. Điều này đòi hỏi phải có sự hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật và các

hỗ trợ khác của Nhà nước và chính quyền địa phương sở tại.

- Phòng Nghiệp vụ du lịch - Sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch các tỉnh cần bồi dưỡng một số kiến thức ban đầu về hướng dẫn, thuyết minh và bán các sản phẩm truyền thống của địa phương; cách thức xây dựng sản phẩm, hướng dẫn khách, thuyết minh giới thiệu sản phẩm du lịch; bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ môi sinh, môi trường; tuyên truyền cho cộng đồng hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, cách thức làm vệ sinh, chỉnh trang nhà cửa để làm tăng thêm vẻ đẹp của bản, tạo thêm sự hấp dẫn đối với khách du lịch.

Tài liệu tham khảo

1. Cẩm Trọng, Phan Hữu Dật (1995), *Văn hóa Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
 2. Cẩm Trọng (2004), *Văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 3. Lê Ngọc Thắng (2005), *Một số vấn đề về dân tộc và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 4. Tập thể tác giả (1998), *Giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc và Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 5. Tập thể tác giả (2001), *Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Trần Văn Bính (2006), *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

Phát triển du lịch cộng đồng với việc bảo tồn bản sắc văn hóa...
